

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Xét đề nghị của UBND huyện Si Ma Cai tại Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 03/6/2015 và ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 151/TTr-SKH ngày 16/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung sau:

I. Quan điểm phát triển

- Quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển kinh tế - xã hội huyện Si Ma Cai phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lào Cai, của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

- Tập trung phát triển ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, tập trung chăn nuôi đại gia súc.

- Coi trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tổ chức lại sản xuất, đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở là những khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, giải quyết các chính sách dân tộc, vấn đề an sinh xã hội.

- Phát triển kinh tế phải đi đôi với tăng cường ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất, tinh thần của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; phấn đấu đến năm 2020 huyện Si Ma Cai đạt mức phát triển trung bình của tỉnh. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp từ trồng trọt sang chăn nuôi gia súc là chủ yếu. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng; chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, nâng cao trình độ dân trí, bảo vệ môi trường sinh thái; đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh. Phấn đấu đưa huyện Si Ma Cai đến năm 2025 thoát khỏi diện huyện nghèo của cả nước, đưa kinh tế - xã hội của huyện phát triển từng bước vững chắc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

Về giá trị sản xuất:

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2015 (tính theo giá so sánh 2010) là 12,52%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 9,17%/năm; tốc độ tăng trưởng đều thấp hơn Quy hoạch cũ năm 2011 (số liệu báo cáo quy hoạch cũ theo giá so sánh là 15,8%/năm, 14,2%/năm). Về quy mô kinh tế, giá trị sản xuất (theo giá thực tế) đến năm 2015 đạt 1.142 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 2.000 tỷ đồng.

Về thu nhập: Mức thu nhập bình quân đầu người tăng từ 10,44 triệu đồng/người năm 2014 lên thành 12 triệu đồng/người vào năm 2015 và đạt 20 triệu đồng/người vào năm 2020. Phấn đấu đến năm 2030, thu nhập bình quân/người đạt trên 45 triệu đồng.

Cơ cấu kinh tế: Có sự dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, tăng tỷ trọng dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng.

b) Về phát triển xã hội

- Về xã hội: Phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,11%/năm trong giai đoạn 2010 - 2014 xuống còn 1,40%/năm vào năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 7-10%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020. Phấn đấu tạo việc làm mới bình quân 800 lao động/năm trong giai đoạn 2016 - 2020. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho người lao động, đến năm 2020 có 37% số lao động qua đào tạo, tập huấn nghề.

- Về giáo dục: Đến năm 2020, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường mẫu giáo đạt 99,8%, tiểu học: đạt 100%, trung học cơ sở: 100%; tỷ lệ học sinh vào

các trường trung học phổ thông đạt 80%; Phần đầu 90% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia đào tạo nghề và học trung học chuyên nghiệp. Phần đầu đến năm 2020 giáo viên đạt trên chuẩn đạt trên 95%, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia là 59,18% (29/49 trường).

- Về y tế: Các cơ sở y tế xã đáp ứng yêu cầu theo dõi và chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân với 100% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia vào năm 2020. Y tế huyện được kiện toàn đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân trong huyện, giảm tải cho bệnh viện cấp trên. Tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng giảm xuống còn dưới 15% vào năm 2020. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Không ngừng nâng cao mức hưởng thụ về đời sống văn hóa, thông tin, thể thao cho người dân.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện: 100% số thôn bản có điện lưới quốc gia; 95% số hộ được dùng điện lưới; Tỷ lệ phủ sóng truyền hình đạt trên 100% địa bàn dân cư.

- Về môi trường: Nâng độ che phủ rừng lên 39% vào năm 2020; bảo vệ tốt môi trường ở trung tâm huyện, các trung tâm cụm xã, các khu dân cư, các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển; kết hợp khai thác du lịch sinh thái với bảo tồn sinh học rừng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng nông thôn mới: Phần đầu đến năm 2020 có tổng số 4 xã đạt tiêu chí về nông thôn mới.

- Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại: Bảo vệ vững chắc đường biên, mốc giới quốc gia, xây dựng, củng cố tuyến phòng thủ huyện vững mạnh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường hợp tác với huyện Mã Quan, tỉnh Vân Nam trong các lĩnh vực trên cơ sở thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

III. Lựa chọn các lĩnh vực trọng điểm có tính đột phá đến năm 2020

1. Tiêu chuẩn lựa chọn các lĩnh vực trọng điểm

- Có tiền đề và lợi thế phát triển.
- Có vai trò to lớn đối với nền kinh tế trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa: tạo ra đóng góp lớn về giá trị sản xuất, về ngân sách, về tích lũy và khả năng thu hút lao động.

- Phù hợp Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lào Cai, Quy hoạch các ngành, các lĩnh vực của tỉnh.

- Đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường, góp phần phát triển bền vững.

2. Các lĩnh vực trọng điểm dự kiến

- Phát triển nông nghiệp với việc đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm của trồng trọt, chăn nuôi có chất lượng cao, đặc biệt đẩy mạnh phát triển chăn nuôi đại gia súc (Trâu Si Ma Cai, Bò của người Mông, Ngựa bạch). Gắn sản xuất hàng hóa với xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, trước hết là hạ tầng cơ sở phục vụ phát triển sản xuất được coi là khâu đột phá để một mặt Si Ma Cai sớm trở thành một huyện có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo đảm xây dựng huyện biên giới trở thành khu vực phòng thủ vững chắc; mặt khác, tạo sức thu hút và đột phá cho phát triển kinh tế.

- Tập trung cho đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn lực chất lượng cao đáp ứng tốt các yêu cầu chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế. Tạo thêm việc làm cho người lao động.

- Xây dựng hệ thống chợ nông thôn, trung tâm thương mại, khu kinh tế của khâu tại xã Nàn Sán, lối mở Mốc 171.2 và các cơ sở hạ tầng phục vụ dịch vụ.

- Phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái - cộng đồng.

IV. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

1. Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản

Phấn đấu đưa tốc độ phát triển bình quân giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 đạt 9,82%/năm, trong đó nông nghiệp tăng 9,30%/năm, lâm nghiệp tăng 19,53%/năm, thủy sản tăng 18,50%. Giá trị sản xuất năm 2020 đạt 953,040 tỷ đồng.

Trong nội bộ ngành nông nghiệp, giai đoạn 2016 - 2020, trồng trọt tăng bình quân 7,98%/năm, chăn nuôi tăng 10,94%/năm. Cơ cấu trồng trọt - chăn nuôi chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi. Đến năm 2020, trồng trọt chiếm 52,88%, chăn nuôi chiếm 47,12%.

+ Tập trung phát triển sản xuất lương thực nhằm đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện và có sản phẩm hàng hóa xuất bán ra bên ngoài.

+ Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi nông, lâm nghiệp sang sản xuất hàng hoá theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển nông nghiệp hàng hoá gắn liền với hình thành các tiểu vùng chuyên canh những sản phẩm mũi nhọn, có tiềm năng của huyện như vùng sản xuất lúa đặc sản, ngô hàng hóa, đậu tương, lạc, dong giềng, rau đậu các loại, cây dược liệu, cây ăn quả, cây lâm nghiệp...; chăn nuôi gia súc, gia cầm đặc sản bản địa.

+ Phát triển nông, lâm nghiệp huyện Si Ma Cai theo hướng sinh thái bền vững; Xây dựng các mô hình kinh tế trang trại sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao, đặc sản, sạch, an toàn có giá trị kinh tế cao đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng tăng.

+ Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc. Phát triển cân đối giữa nông nghiệp với lâm nghiệp trên cơ sở khai thác lợi thế của từng ngành và mối quan hệ giữa các ngành để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Phát triển nông, lâm nghiệp của huyện gắn liền với phát triển các ngành nghề nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm sản (sử dụng các dây chuyền, thiết bị công nghệ mới quy mô nhỏ và vừa) tạo việc làm và tăng thêm giá trị của các sản phẩm nông sản.

+ Gắn việc phát triển nông, lâm nghiệp với du lịch, để một mặt tạo sức hấp dẫn cho du lịch, mặt khác tạo thị trường tiêu thụ nông sản phẩm; qua đó, thực hiện phân công lại lao động trong nông thôn, khai thác tối đa các tiềm năng của huyện, nâng cao hiệu quả sản xuất.

+ Ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất: Chọn lọc và đưa giống cây, con có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng vào sản xuất.

+ Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp, trong đó ưu tiên về giao thông, thủy lợi, cơ sở chế biến.

+ Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến nông, khuyến lâm, kiên cố hoá kênh mương, chính sách trợ cước, trợ giá và tiêu thụ nông sản phẩm.

2. Phát triển công nghiệp, xây dựng

Phấn đấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp, xây dựng trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 10,03%/năm, trong đó công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 11,29%/năm và xây dựng đạt 9,69%/năm (theo giá so sánh 2010).

Về quy mô giá trị sản xuất: Năm 2020, giá trị sản xuất toàn ngành đạt 443,85 tỷ đồng (*giá hiện hành*).

+ Tập trung phát triển các ngành có tiềm năng như công nghiệp chế biến nông, lâm sản; khai thác vật liệu xây dựng; đầu tư, khai thác thủy điện; chế biến thức ăn gia súc; cơ khí chế biến và sửa chữa nông cụ,... nhằm khai thác các nguồn lực, tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện.

+ Khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, trước hết xây dựng 2 làng nghề truyền thống là dệt, thêu ở xã Cán Cấu và sản xuất ngói máng ở xã Sín Chéng. Chủ động tìm tòi các ngành nghề thủ công mới nhằm phát triển các ngành nghề thủ công ở tất cả các xã trong huyện như: nghề nấu rượu, làm đậu phụ, làm miến dong riêng...

+ Xây dựng cơ chế hợp lý, khai thác các nguồn lực bên ngoài hình thành các cụm tiểu thủ công nghiệp tập trung quy mô nhỏ, trước tiên là cụm tiểu thủ công nghiệp Nàn Sán.

+ Phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế, nhất là kinh tế ngoài quốc doanh (kinh tế hộ, kinh tế tư nhân, kinh tế HTX) để phát triển công nghiệp, TTCN và xây dựng.

3. Phát triển dịch vụ

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành dịch vụ giai đoạn 2016 - 2020 đạt 7,91%/năm (giá so sánh 2010). Năm 2020, giá trị ngành dịch vụ đạt 603,749 tỷ đồng (giá hiện hành).

a) Thương mại

Dịch vụ thương mại tập trung vào mở rộng giao lưu hàng hoá với 2 chức năng chính: khai thác thế mạnh vai trò trung chuyển của chợ Trung tâm huyện và các chợ khác trong huyện; tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng giao lưu các sản phẩm của huyện ra các địa phương khác, đồng thời tạo điều kiện cho các ngành trong huyện phát triển; định hướng mở rộng giao lưu hàng hóa với huyện Mã Quan (Trung Quốc) qua cửa khẩu phụ Hóa Chu Phùng và lối mở Mốc 171.2

Xây dựng Chợ thị trấn Si Ma Cai trở thành trung tâm thương mại cấp huyện, đầu tư mở rộng các chợ Cán Cấu, Sín Chéng; nâng cấp chợ Cốc Cù, chợ Bến Máng; đầu tư mới các chợ ở các xã khác nhằm mở rộng các cơ sở dịch vụ thương mại ở các xã, các thôn bản hình thành các cơ sở kinh doanh thương mại nhỏ, phục vụ nhu cầu tại chỗ của nhân dân.

b) Du lịch

Phấn đấu đến năm 2020, lượng khách du lịch trung bình của huyện đạt 22.000 lượt, trong đó 30% khách du lịch nước ngoài. Bảo tồn, khai thác các chợ truyền thống thành sản phẩm du lịch, khai thác du lịch gắn với hoa Tam Giác Mạch.

Du lịch phát triển thành những ngành có sự đóng góp vào quy mô và tốc độ tăng trưởng của dịch vụ cũng như các ngành kinh tế của huyện. Huyện Si Ma Cai có tiềm năng về du lịch sinh thái, du lịch văn hoá ở quy mô vừa. Giai đoạn tới, triển khai thực hiện đầu tư tuyến du lịch huyện Si Ma Cai với lộ trình:

Bắc Hà - Cán Cấu - Si Ma Cai - Sín Chéng - Quan Thần Sán - Tả Văn Chư - Bắc Hà; trong đó có việc nghiên cứu khai thác tuyến đường thủy từ Cốc Ly - Bản Mế thuộc lòng hồ thủy điện Bắc Hà.

Trong tương lai sẽ xây dựng cơ sở hạ tầng ở cửa khẩu sang Trung Quốc để có kế hoạch phát triển tiếp các tuyến du lịch sau: Bắc Hà - Si Ma Cai - Mã Quan và tuyến Mã Quan - Si Ma Cai - Bắc Hà - Lào Cai.

4. Văn hóa - xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học. Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi đến năm 2015 đạt 100%. Duy trì 13/13 xã đạt chuẩn phổ cập

giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức độ I và phổ cập giáo dục THCS; Duy trì 17 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, phấn đấu thêm 12 trường đạt chuẩn Quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia trong toàn huyện là 29 trường và có 6 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II; phấn đấu 100% số trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia. Giảm tỷ lệ mù chữ cho người lao động trong độ tuổi xuống dưới 3%.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Phấn đấu tỷ lệ giảm sinh giai đoạn 2016 - 2020 đạt bình quân 0,5‰/năm. Đến năm 2020, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,40%, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 95%, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 15%.

- Tăng cường đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các cơ sở khám, chữa bệnh, hệ thống y tế dự phòng; cơ bản hoàn thành hệ thống khám, chữa bệnh các tuyến. Đến năm 2015 có 100% phòng khám đa khoa và trạm y tế được kiên cố hoá, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện quy mô đạt 120 giường bệnh.

- Phấn đấu năm 2020 có 100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; nâng số giường bệnh lên 42giường/vạn dân; đạt tỷ lệ 9 bác sỹ/vạn dân; 100% các trạm y tế xã có bác sỹ.

c) Văn hoá, thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh, truyền hình

Phấn đấu đến 2020 có 80% số gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 50% số xã đạt tiêu chuẩn xã văn hóa, có 100% số cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn văn hóa. Đến năm 2030 có trên 90% số gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 100% số xã đạt tiêu chuẩn xã văn hóa.

Đến năm 2020, phấn đấu 100% số hộ nghe được đài TNVN, 100% số hộ xem được chương trình truyền hình Việt Nam.

Đến năm 2020 có trên 25% dân số tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên; 100% số xã, thị trấn đều có diện tích dành cho thể thao; mỗi xã đều có tối thiểu 01 sân luyện tập thể thao, 01 phòng tập đơn giản ở khu trung tâm hoặc tại nhà văn hóa khu dân cư.

d) Phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm

Chuyển đổi cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động ngành nông nghiệp 70% vào năm 2020, đến năm 2030 còn dưới 50%.

Phấn đấu đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 37% vào năm 2020. Duy trì hầu hết lao động đều có việc làm. Tạo việc làm có chất lượng, giai đoạn 2016 - 2020 cho 800 lao động/năm. Tăng tỉ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên trên 90%.

đ) Giảm nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 7-10%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020. Gắn việc thực hiện tốt các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, giảm nghèo với đẩy mạnh và phát triển sản xuất; có những hình thức khuyến khích để các hộ nghèo có ý thức vươn lên làm ăn bằng chính sức lao động của mình. Làm tốt công tác tín dụng cho nông dân vay vốn, đặc biệt là cho vay trực tiếp đến hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

e) Các lĩnh vực xã hội khác

- Thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội. Xã hội hoá mạnh mẽ công tác chăm sóc các gia đình chính sách, người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ nhân đạo...

- Xây dựng và thực hiện chương trình xuất khẩu lao động. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tập trung đầu tư cho công tác giải quyết việc làm trên địa-bàn. Triển khai lồng ghép và thực hiện có hiệu quả các chương trình giảm nghèo, tích cực hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Đầu tư thích đáng cho việc tạo lập các mô hình giải quyết các tệ nạn xã hội từ cộng đồng tới hộ gia đình. Xây dựng nếp sống khu dân cư có văn hóa, văn minh phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

g) Quốc phòng, an ninh

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, nâng cao hiệu quả phối hợp trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, đảm bảo giữ vững, ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội nhằm giữ vững quốc phòng, an ninh, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, đường biên mốc giới quốc gia.

Đẩy mạnh phong trào quần chúng, xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với nền quốc phòng toàn dân.

Không ngừng tăng cường quan hệ đối ngoại với huyện Mã Quan - Vân Nam-Trung Quốc trên cơ sở bình đẳng, hợp tác cùng có lợi, tiến tới mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội giữa 2 địa phương 2 nước.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

Nâng cấp hệ thống đường giao thông trên địa bàn đồng bộ từ Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, thôn bản và đường ra biên giới. Kiên cố hóa đường nội thôn, nội đồng, đường liên gia...

Hệ thống đường làng ngõ xóm, đường đến các khu sản xuất tập trung được đầu tư đảm bảo nhu cầu đời sống, sản xuất trên địa bàn.

b) Thông tin và truyền thông

+ Phát triển mạng lưới thông tin truyền thông nhằm tăng cường sự truyền tải thông tin đáp ứng tốt nhu cầu cho phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân.

+ Phát huy tính ưu việt của hệ thống phát thanh, truyền hình trong tuyên truyền chủ trương chính sách, trong đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, chuyển giao công nghệ đến tận xã, thôn bản và người lao động.

+ Phát triển mạng điện thoại cố định, nâng mức phủ sóng viễn thông, phát triển Internet băng thông rộng để đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

Phấn đấu đến năm 2020, tương ứng số máy điện thoại/100 dân đạt 50 máy. Phấn đấu 100% số xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông; 100% số xã có điểm truy nhập Internet công cộng; 25% dân số thường xuyên sử dụng Internet.

c) Về lưới điện

Mở rộng lưới điện đến các thôn, điểm dân cư chưa có điện để đảm bảo đến năm 2015 tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới đạt 90% và đến năm 2020 đạt 95%. Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp khoảng 40 km đường dây cao thế, khoảng 80 km đường dây hạ thế và lắp đặt thêm khoảng 25 trạm biến áp mới.

d) Về thủy lợi

Đầu tư nâng cấp và làm mới các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ nước tưới chủ động 95% diện tích ruộng vào năm 2020. Trước hết xác định cụ thể về nguồn nước, lưu vực các công trình trên địa bàn.

đ) Về cấp nước sinh hoạt

- Nâng cấp nhà máy nước trung tâm huyện đạt công suất 1.500m³/ngày.đêm vào năm 2020, 2.500m³/ngày.đêm vào năm 2030, sử dụng nguồn nước giếng đùn và nước suối Mán Thẩn.

- Đầu tư nâng cấp và làm mới các công trình cấp nước đảm bảo phục vụ đủ nước sinh hoạt cho 85% tổng số hộ trên địa bàn vào năm 2015 và nâng lên thành 95% vào năm 2020.

- Bố trí đầu tư 43 danh mục công trình cấp nước tập trung hệ tự chảy, phục vụ cho trên 3.600 hộ gia đình và các cơ quan ở xã; đồng thời nghiên cứu xây dựng các công trình “hồ treo, bể treo” tại những địa bàn đặc biệt khan hiếm nguồn nước về mùa khô để giải quyết nhu cầu nước sinh hoạt cho nhân dân.

e) Về thoát nước

Nước thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi đổ ra hệ thống cống thoát và ra suối. Trong khu dân cư, xây dựng hệ thống cống thoát nước ngầm, kín để đảm bảo vệ sinh.

Đối với nước thải ở các doanh nghiệp sản xuất và trong điểm CN-TTCN, các làng nghề cần phải đảm bảo đúng quy chuẩn về xử lý nước thải và vệ sinh môi trường.

6. Quy hoạch các vấn đề về môi trường

a) Về bảo vệ môi trường

- Đối với khu vực trung tâm huyện, khu dân cư tập trung lớn: phấn đấu đến năm 2020 có 100% rác thải được thu gom, xử lý đảm bảo yêu cầu.

- Đối với vùng nông thôn: phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ hộ gia đình có nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt 50%. Tổ chức thực hiện tốt các nội dung Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và Chương trình 135 về hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hộ gia đình.

b) Về nghĩa trang, nghĩa địa

Dự kiến sẽ bố trí thêm 17 ha đất cho xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa, đảm bảo đến 2020, các xã đều có nghĩa trang, nghĩa địa và được xây dựng đúng quy hoạch. Tăng cường vận động nhân dân thực hiện việc chôn cất đúng nghĩa địa được quy hoạch.

7. Quy hoạch không gian lãnh thổ

- Trung tâm huyện Si Ma Cai tiếp tục được mở rộng quy hoạch, xây dựng để đáp ứng vai trò thị trấn huyện lỵ. Phạm vi địa giới thị trấn Si Ma Cai một phần thuộc địa bàn xã Si Ma Cai hiện nay, một phần thuộc xã Sán Chải và một phần thuộc xã Mản Thẩn, tổng diện tích khoảng 750 - 800 ha.

- Nâng cấp, mở rộng trung tâm cụm xã Sín Chéng và trung tâm cụm xã Cán Cấu, diện tích quy hoạch mỗi trung tâm cụm 35 - 40 ha.

- Xây dựng các trung tâm xã còn lại theo định hướng xây dựng NTM.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, tập trung vào đường giao thông liên thôn, hệ thống thủy lợi, cấp điện và nước sinh hoạt... tạo điều kiện thuận lợi để người dân khu vực nông thôn phát triển sản xuất.

- Tổ chức lại không gian các ngành nông, lâm nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ cho hợp với mục tiêu và phương hướng quy hoạch.

8. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

- Duy trì, bảo vệ, cải tạo, chuyển đổi và mở rộng diện tích đất nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào để sử dụng đất tiết kiệm đặc biệt là đất trồng lúa nước, nhằm bảo vệ và khai thác sử dụng tốt quỹ đất nông nghiệp.

- Quy hoạch sử dụng đất ở, đất chuyên dùng, đất nghĩa trang, nghĩa địa phù hợp với mục tiêu và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội cũng như quy hoạch các ngành, các lĩnh vực.

V. Các giải pháp phát triển chủ yếu

1. Giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư

Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư cần phải có các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, trong đó nguồn nội lực là chủ yếu, huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất để phát triển đô thị, tiểu thủ công nghiệp, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, xã hội hoá trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá - thể thao.

Khai thác tối đa nguồn vốn ngân sách của Tỉnh và Trung ương để đầu tư vào phát triển các ngành kinh tế quan trọng và có lợi thế.

Tăng cường quản lý thu thuế và phí vào ngân sách. Ngoài việc thu theo luật định, cần chống thất thu thuế và phí, nuôi dưỡng nguồn thu và tạo nguồn thu mới. Tăng cường quản lý có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng và các nguồn vốn quỹ khác.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trong đó xác định cơ cấu, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Lập kế hoạch, hỗ trợ tích cực và mở rộng hơn nữa việc đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ doanh gia, đội ngũ cán bộ nhà nước cấp huyện, cấp xã. Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ địa phương tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng bằng chế độ tiền lương, tiền thưởng, sử dụng và đề bạt cán bộ hợp lý.

Thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về địa bàn huyện sinh sống và làm việc.

Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển đào tạo nghề và giáo dục.

3. Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là về giống cây trồng, con vật nuôi, trang thiết bị, dây truyền công nghệ chế biến để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

4. Giải pháp về thị trường

Khuyến khích phát triển thị trường theo hướng đa dạng, năng động để có thể thu hút và thích ứng với nhiều tầng lớp người tiêu dùng khác nhau, ở nhiều vùng với các sản phẩm đặc trưng cho mỗi vùng. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ có sản phẩm chất lượng tốt và có triển vọng đáp ứng nhu cầu của thị trường trong tương lai, tăng cường việc quảng bá sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như bằng nhiều hình thức quảng cáo khác.

5. Giải pháp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước

Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển nông - lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ.

Thực hiện tốt nhóm chính sách về dân tộc, miền núi; các chính sách về phát triển xã hội như: Đẩy mạnh quá trình xã hội hoá giáo dục - đào tạo, y tế, xoá đói giảm nghèo, xây dựng thôn bản, đời sống văn hoá, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, xây dựng nông thôn mới...

Trong giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020, tiến hành xây dựng các đề án, dự án, lựa chọn tổ chức chỉ đạo thực hiện các đề án trọng tâm, trong đó mỗi đề án là một hoặc một nhóm các dự án lĩnh vực liên quan.

6. Các giải pháp tăng cường xoá đói, giảm nghèo

Thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo.

Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề nhằm tạo thuận lợi cho người nghèo tham gia vào thị trường lao động, nhất là xuất khẩu lao động.

7. Giải pháp tăng cường mở rộng hợp tác kinh tế đối ngoại

Hợp tác trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, nguồn nguyên liệu và thị trường. Hợp tác trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ hoặc xuất khẩu nông sản hàng hoá, cung ứng giống cây trồng và con vật nuôi chất lượng cao.

Hợp tác về trao đổi thông tin và xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội chợ, triển lãm; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch.

Hợp tác trong đào tạo nghề cho người lao động.

8. Tăng cường an ninh, quốc phòng

Thực hiện tốt chiến lược quốc phòng, an ninh, nhất là công tác bảo vệ an ninh biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; đẩy mạnh phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

VI. Tổ chức thực hiện quy hoạch

Trên cơ sở các mục tiêu quy hoạch, xây dựng cụ thể chương trình thực hiện, kế hoạch hành động nhằm đạt được mục tiêu quy hoạch đề ra.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, chú trọng vào các dự án trọng điểm có sản phẩm chủ lực, mang tính quyết định đến sự thành công trong thực hiện mục tiêu quy hoạch.

Xây dựng các chương trình, đề án trọng tâm của huyện theo các lĩnh vực, các sản phẩm chủ lực của huyện và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, tạo động lực mới cho phát triển sản xuất - kinh doanh của nhân dân; có các chính sách thực sự khuyến khích, ưu đãi đối với việc phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chủ lực này về thị trường tiêu thụ, về vốn và đất đai.

Từng bước cụ thể hóa công tác quy hoạch và đưa vào các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm để thực hiện. Ngoài ra, tùy theo sự thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, dự án quy hoạch tổng thể của huyện cần được bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp với quá trình phát triển.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Si Ma Cai căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ UBND huyện Si Ma Cai nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Si Ma Cai trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện Si Ma Cai đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan được nêu trong Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Si Ma Cai đến năm 2020. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Si Ma Cai; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan của tỉnh và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Như Điều 5 QĐ;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn;
- Huyện ủy, UBND huyện Si Ma Cai;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lào Cai;
- Công báo Lào Cai, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, THCB, Các CV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Hương

Phụ lục: Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 1906 /QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh Lào Cai)



1. Các dự án về các công trình giáo dục, văn hóa, xã hội

- Dự án Kiên cố hóa các phòng học bán kiên cố.
- Xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất các phòng học các cấp.
- Dự án xây dựng nhà làm việc phòng y tế, Trung tâm y tế dự phòng, Trung tâm Vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Dự án nâng cấp bệnh viện huyện lên quy mô 100 giường bệnh.
- Dự án xây dựng thêm các phòng chức năng cho các trường phổ thông.
- Dự án xây dựng, nâng cấp các trạm y tế xã còn lại đạt chuẩn đến năm 2020.
- Dự án xây dựng thêm 9 nhà văn hóa xã đến năm 2020.
- Dự án xây dựng các nhà văn hóa thôn bản.
- Dự án xây dựng trạm chuyển phát thanh cho các xã còn thiếu.

2. Các dự án về các công trình hạ tầng

- Dự án nâng cấp, mở rộng đường Quốc lộ 4 (đoạn qua địa bàn huyện).
- Dự án nâng cấp đường tỉnh 159 (đoạn qua địa bàn huyện).
- Dự án nâng cấp và xây dựng mới đường liên xã.
- Dự án xây dựng và nâng cấp đường giao thông liên thôn, bản và đường vào các khu sản xuất tập trung.
- Dự án xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Dự án xây dựng các công trình cấp nước tập trung và các hình thức khác phục vụ sinh hoạt.
- Dự án xây dựng các công trình cấp điện phục vụ sản xuất và dân sinh.
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước khu vực trung tâm huyện.

3. Các dự án về phát triển sản xuất

- Đối với nông, lâm nghiệp:

- + Dự án trồng bảo vệ và phát triển rừng.
- + Dự án chuyển đổi cây trồng: Cây chè; cây ăn quả ôn đới (cải tạo giống mận, du nhập đào Pháp, lê Tai Nung...), ngô lai, lúa lai, cây rau, lạc, đậu tương...
- + Dự án phát triển cây ổi.

- + Dự án phát triển cây dược liệu: Dương quy, Tam thất...
 - + Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi: Trâu, bò, lợn đen...
 - + Dự án nuôi trồng thủy sản.
 - **Đối với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:**
 - + Dự án khôi phục các làng nghề: Thổ cẩm, rèn đúc,...
 - + Dự án xây dựng các cơ sở, nhà máy bảo quản, chế biến dược liệu, chế biến nông sản sau thu hoạch, chế biến thức ăn gia súc...
 - **Đối với các ngành dịch vụ:**
 - + Dự án, nâng cấp chợ gia súc Cán Cầu.
 - + Dự án xây dựng hệ thống nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn.
 - + Dự án xây dựng các khu du lịch sinh thái - cộng đồng.
 - + Dự án xây dựng và khai thác tua du lịch văn hóa.
-

lf